

Số: /2022/QĐ-UBND

Hậu Giang, ngày tháng năm 2022

(DỰ THẢO)

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và mức hỗ trợ giá vé cho người sử dụng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2022 - 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/05/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

Căn cứ Thông tư số 02/2016/TT-BTC ngày 06/01/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn hỗ trợ lãi suất đối với tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/05/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

Căn cứ Quyết định số 2467/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt Đề án phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Công văn số 263/UBND-NCTH ngày 04/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc chủ trương xây dựng Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định mức hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và mức hỗ trợ giá vé cho người sử dụng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2022 – 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số/TTr-SGTVT ngày tháng 4 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng để các tổ chức, cá nhân thực hiện các dự án đầu tư phương tiện mới, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và mức hỗ trợ giá vé cho người sử dụng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2022 - 2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân thực hiện các dự án đầu tư phương tiện mới, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất, mức hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng

1. Nguyên tắc hỗ trợ:

a) Ngân sách tỉnh hỗ trợ lãi suất tiền vay cho việc đầu tư phương tiện mới, kết cấu hạ tầng trong phạm vi số vốn vay tại thời điểm xét hỗ trợ lãi suất, trong hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất được quy định cụ thể tại khoản 2 Điều này.

b) Nguyên tắc hỗ trợ lãi suất tiền vay cho chủ đầu tư theo quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 3 của Thông tư số 02/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất, mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ lãi suất đối với các dự án đầu tư phương tiện, kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt:

- Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: không quá 50% tổng mức đầu tư của dự án và không quá 50 tỷ đồng.

- Mức hỗ trợ lãi suất: không quá 5%/năm.

- Thời gian hỗ trợ lãi suất: tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với tổ chức tín dụng. Thời gian hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 10 năm đối với dự án đầu tư kết cấu hạ tầng và không quá 05 năm đối với dự án mua sắm phương tiện xe buýt mới.

Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất, mức hỗ trợ lãi suất, thời gian hỗ trợ lãi suất được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với từng dự án cụ thể.

3. Trường hợp các khoản vay (gồm cả gốc và lãi) bị quá hạn trả nợ hoặc chưa được gia hạn nợ thì không được hỗ trợ lãi suất đối khoảng thời gian vay bị quá hạn trả nợ hoặc được gia hạn nợ. Trường hợp chủ dự án đã thanh toán nợ quá hạn và trả nợ đúng hạn từ kỳ trả nợ tiếp theo thì chủ dự án tiếp tục được hưởng hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Quyết định này.

Điều 4. Điều kiện hỗ trợ lãi suất vay vốn

Điều kiện được hưởng hỗ trợ (quy định tại Điều 4, Thông tư số 02/2016/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính), cụ thể như sau:

a) Có dự án đầu tư phương tiện, dự án đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật về đầu tư.

b) Có vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án quy định tại Khoản a Điều này và sử dụng vốn vay đúng mục đích.

c) Đảm bảo các quy định hiện hành trong kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

Điều 5. Hồ sơ, trình tự thủ tục hỗ trợ lãi suất vay vốn

1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ của chủ dự án bao gồm:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng để đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt của chủ dự án có xác nhận của chính quyền địa phương nơi thực hiện dự án (theo Phụ lục 1, Phụ lục 2 đính kèm Thông tư này).

b) Văn bản phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền về dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định.

c) Hợp đồng tín dụng.

d) Bảng kê dư nợ vay, lãi vay và chứng từ hoặc các giấy tờ tương đương có xác nhận của tổ chức tín dụng xác định chủ dự án có vay vốn tại tổ chức tín dụng, khoản nợ trong hạn và sử dụng vốn vay đúng mục đích để thực hiện dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

đ) Bảng kê hoặc bảng tính số tiền lãi đề nghị được hỗ trợ được xác định như sau:

- Số tiền lãi được hỗ trợ cho một khoản vay được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Số tiền} \\ \text{đề nghị} \\ \text{hỗ trợ} \\ \text{lãi suất} \end{array} = \sum_{i=1}^n \begin{array}{l} \text{Mức lãi} \\ \text{suất hỗ} \\ \text{trợ} \end{array} \times \frac{\text{Tổng các tích số giữa dư nợ vay} \\ \text{vốn được hỗ trợ lãi suất với số} \\ \text{ngày dư nợ thực tế trong tháng}}{30}$$

Trong đó:

+ Mức lãi suất hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này và được tính theo đơn vị: % tháng.

+ n là số ngày dư nợ thực tế trong kỳ được hỗ trợ lãi suất.

+ Dư nợ vay vốn được hỗ trợ lãi suất là phần dư nợ của chủ dự án tại tổ chức tín dụng thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Số tiền lãi được hỗ trợ của chủ dự án là tổng số tiền hỗ trợ lãi suất của tất cả các khoản vay mà chủ dự án được hỗ trợ.

2. Chủ dự án có thể nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện. Trường hợp chủ dự án nộp hồ sơ qua đường bưu điện, các giấy tờ, văn bản trong hồ sơ phải là bản chính hoặc bản sao có chứng thực và thời gian nhận hồ sơ được tính theo dấu bưu điện. Trường hợp chủ dự án nộp hồ sơ trực tiếp, các giấy tờ, văn bản trong hồ sơ là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu.

3. Trình tự, thủ tục hỗ trợ

a) Chủ dự án thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ sau khi hoàn tất hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Điều 7 Thông tư này nộp cho Sở Giao thông vận tải nơi chủ dự án thực hiện dự án.

b) Căn cứ vào hồ sơ của chủ dự án, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ của chủ dự án, Sở Giao thông vận tải kiểm tra, rà soát hồ sơ, nếu thấy hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, không đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thông báo cho chủ dự án. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ của chủ dự án, Sở Giao thông vận tải chủ trì thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ, số tiền hỗ trợ và tổng hợp, lấy ý kiến của Sở Tài chính trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt về danh sách dự án được hỗ trợ, số tiền hỗ trợ, thời gian hỗ trợ cụ thể cho từng dự án. Kết quả thẩm định phải được lập thành văn bản và được lưu giữ tại Sở Giao thông vận tải cùng với hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

c) Căn cứ kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ra quyết định về danh sách dự án được hỗ trợ, số tiền hỗ trợ, thời gian hỗ trợ cụ thể cho từng dự án trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình đề nghị của Sở Giao thông vận tải.

Quyết định hỗ trợ cho chủ dự án được gửi cho các cơ quan: Sở Giao thông vận tải; Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Kho bạc Nhà nước và được công bố công khai.

d) Căn cứ quyết định hỗ trợ chủ dự án của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính lập Lệnh chi tiền gửi Kho bạc Nhà nước tỉnh, huyện.

đ) Căn cứ Lệnh chi tiền của Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước thực hiện thanh toán số tiền hỗ trợ lãi suất cho chủ dự án.

Điều 6. Mức hỗ trợ giá vé cho người sử dụng xe buýt

1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các đối tượng chính sách khi đi xe buýt:

a) Đối tượng 1 (gồm trẻ em dưới 6 tuổi, người khuyết tật nặng và người khuyết tật đặc biệt nặng): Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí cho đối tượng này (theo mức giá vé tháng/tuyến).

Doanh nghiệp, hợp tác xã phát hành thẻ ưu tiên cho đối tượng 1. Căn cứ vào hồ sơ và số lượng thẻ ưu tiên Sở Tài chính hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã thủ tục thanh toán kinh phí hỗ trợ.

b) Đối tượng 2 (gồm người có công với cách mạng, người cao tuổi, học sinh, sinh viên là công dân Việt Nam): Ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% thông qua vé tháng/tuyến.

Giá vé tháng do doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký nhưng tính quy đổi ra giá cước một lượt đi tối đa bằng 70% vé lượt.

2. Kinh phí hỗ trợ các đối tượng chính sách sử dụng xe buýt được bố trí trong dự toán hàng năm từ ngân sách tỉnh, thanh toán thực hiện theo mức quy đổi mỗi quý 1 lần chậm nhất vào ngày 15 quý tiếp theo.

3. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Giao thông vận tải giám sát, kiểm tra việc thanh toán qua vé ưu tiên.

4. Hồ sơ thẻ ưu tiên gồm:

a) Chứng minh thư nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy Khai sinh (bản sao có chứng thực).

b) Xác nhận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú (thường trú hoặc tạm trú đối với đối tượng 1, đối tượng 2). Riêng đối với học sinh, sinh viên là công dân Việt Nam đang học các trường trên địa bàn tỉnh có xác nhận của trường học nơi học sinh, sinh viên đang học.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giao thông vận tải

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan triển khai, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Quy định này; chủ trì tham gia ý kiến và hướng dẫn các nhà đầu tư khi được yêu cầu; đề xuất giải quyết những vấn đề phát sinh cần xử lý.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp danh mục dự án được hỗ trợ lãi suất vay vốn trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Chủ trì thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất, xác định phần dư nợ vay của chủ dự án sử dụng đúng mục đích đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí hỗ trợ lãi suất có hiệu quả, đúng mục đích.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan quy định điều kiện hỗ trợ (miễn hoặc giảm) cho người sử dụng xe buýt theo quy định tại Điều 6 Quyết định này.

đ) Hàng năm, trước ngày 15/7, tổng hợp nhu cầu kinh phí gồm: hỗ trợ lãi suất trợ đối với các tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo Quyết định 13/2015/QĐ-TTg, gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí trong dự toán chi ngân sách năm tiếp theo.

Riêng năm 2023 ngân sách tỉnh ưu tiên bố trí hỗ trợ lãi suất đối với các tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo Quyết định 13/2015/QĐ-TTg và hỗ trợ cho người sử dụng xe buýt trên địa bàn.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Giao thông vận tải và các cơ quan liên quan; kiểm tra giám sát việc thực hiện và xử lý vi phạm về lĩnh vực giá; tổng hợp đề xuất kế hoạch vốn ngân sách hỗ trợ lãi vay, hỗ trợ giá vé cho người sử dụng xe buýt trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; thực hiện hướng dẫn việc thanh toán, quyết toán các khoản hỗ trợ từ ngân sách đối với hoạt động xe buýt.

3. Kho bạc Nhà nước tỉnh, huyện có trách nhiệm chuyển tiền hỗ trợ đúng, đầy đủ, kịp thời cho chủ dự án.

4. Tổ chức tín dụng có trách nhiệm:

a) Xác nhận Bảng kê dư nợ vay, lãi vay hoặc các giấy tờ tương đương để làm cơ sở xác định chủ dự án có vay vốn tại tổ chức tín dụng, phần dư nợ vay của chủ dự án tại tổ chức tín dụng trong hạn và đã được chủ dự án sử dụng đúng

mục đích để thực hiện dự án đầu tư phương tiện, kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

b) Chịu trách nhiệm giám sát và theo dõi việc sử dụng vốn vay của chủ dự án; Thông báo ngay cho Sở Giao thông vận tải, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi phát hiện chủ dự án sử dụng vốn vay sai mục đích.

5. Nhà đầu tư thực hiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt phải có trách nhiệm cung ứng dịch vụ công ích theo đúng cam kết về số lượng, chất lượng và bán đúng giá vé đã đăng ký được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, nếu vi phạm sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật.

6. Các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm phối hợp với các Sở quản lý chuyên ngành tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án đầu tư phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

Điều 8. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022.

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (HN - TP. HCM);
- Bộ Giao thông vận tải;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các Đoàn thể tỉnh;
- Như Điều 9;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.